

Số: /GPMT-UBND

Kiên Giang, ngày tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định việc quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét Văn bản số 08/2024-KH ngày 02/12/2024 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Thanh Lộc về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng - Công suất 3.000 tấn thành phẩm/năm” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-SNNMT ngày 31/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Kiên Hùng, địa chỉ Lô B4-B5, đường Số 1, Khu công nghiệp Thanh Lộc, xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng - Công suất 3.000 tấn thành phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng - Công suất 3.000 tấn thành phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B4-B5, đường Số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1700339752, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/5/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1700339752.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy chế biến thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích của cơ sở là 30.038,4m².

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
I	Các hạng mục công trình chính	5.262,54
1	Nhà xưởng số 1. Bao gồm: + Kho chứa chất thải nguy hại: 19,24m ² + Kho chứa phế phẩm: 24m ² + Kho phế liệu: 24m ²	4.232,9
2	Nhà làm việc	427
3	Kho PA, bao bì, kho vật tư	451,44
4	Nhà giặt + phơi bảo hộ lao động	151,2
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	24.775,86
1	Sân đường nội bộ	6.899
2	Cột cờ	50,27
3	Bãi đậu xe	3.920,58
4	Tường kê	114
5	Nhà để xe ô tô, xe máy	300
6	Nhà để xe công nhân	480
7	Bể nước bằng thép 4x75m ³	127,4
8	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	156
9	Trạm biến áp	36
10	Nhà bảo vệ	31
11	Hồ sự cố	793
12	Đất trồng (sân đường, cây xanh,...)	11.868,61
Tổng cộng		30.038,4

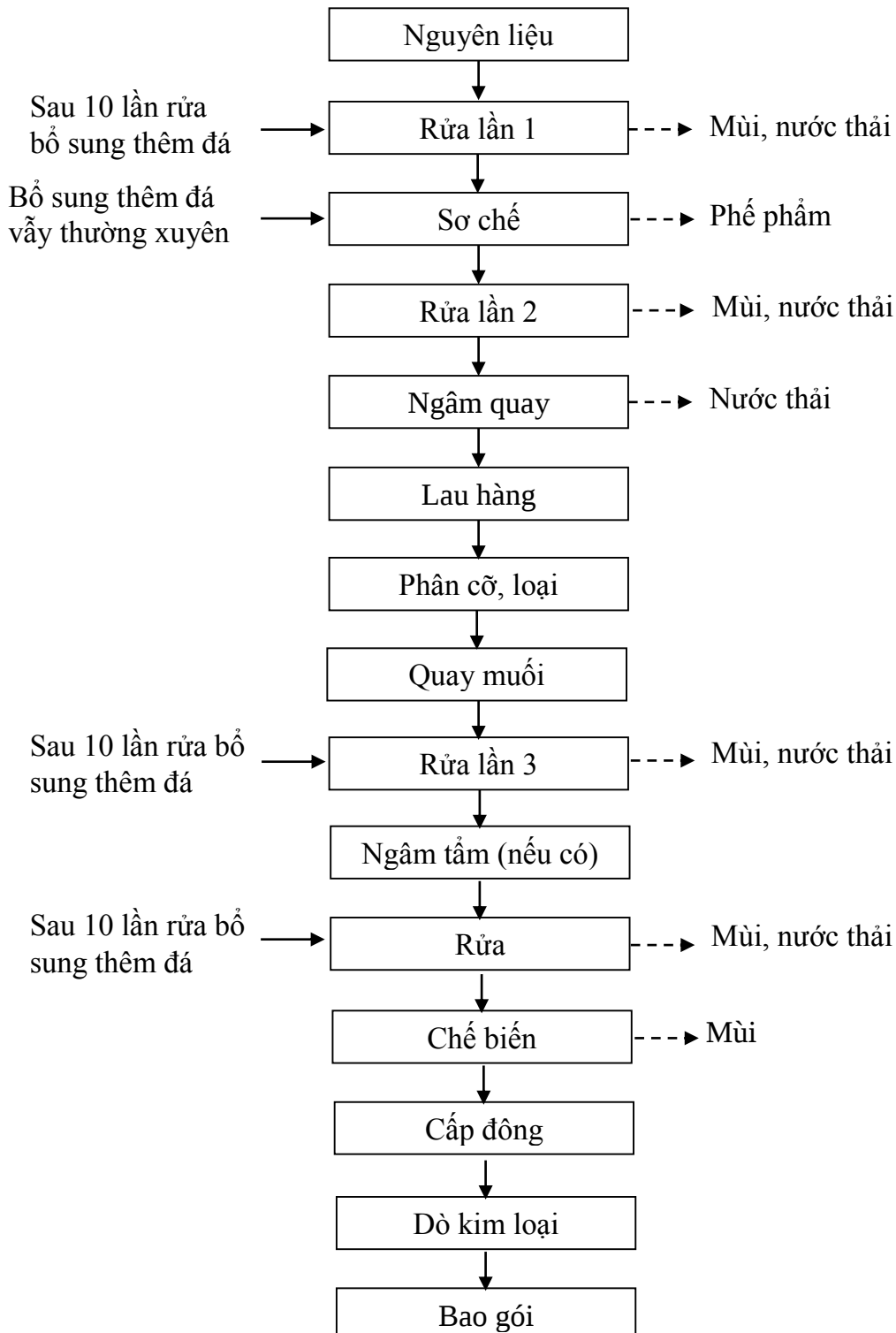
- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

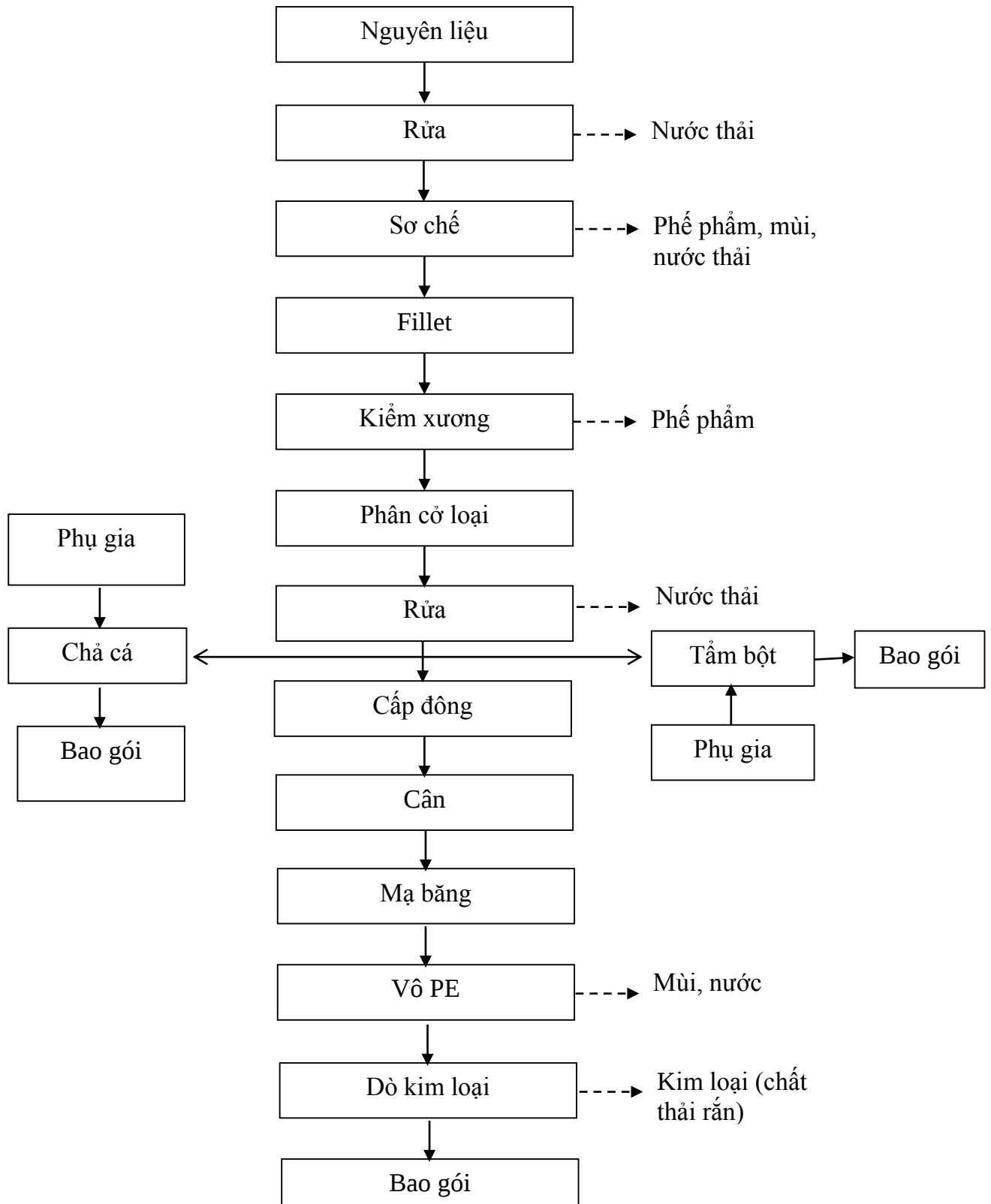
- Công suất thiết kế: 3.000 tấn thành phẩm/năm bao gồm các loại hình sản phẩm mực sushi đông lạnh, chả cá đông lạnh cá tầm bột.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này.

a) Quy trình công nghệ sản xuất mực ống, bạch tuột, mực nang Sushi đông lạnh



b) Quy trình sản xuất cá thương phẩm

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Kiên Hùng có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 25 tháng 4 năm 2035).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (05 bản);
- Công ty CP Kiên Hùng;
- UBND huyện Châu Thành;
- BQL Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Lưu: VT, nvthanh (01 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giang Thanh Khoa

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất của nhà máy bao gồm nước thải từ khu vực chế biến thủy sản và nước thải từ khu nhập liệu.
- Nguồn số 3: Nước vệ sinh nhà xưởng, thiết bị.
- Nguồn số 4: Nước xả cặn lọc hệ thống nước cấp.
- Nguồn số 5: Nước từ quá trình giặt.
- Nguồn số 6: Nước thải từ nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Vành Đai.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí: Tại điểm xả ra cống chung Khu công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: $X = 1101743$; $Y = 570081$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $450 \text{ m}^3/\text{ngày}$, $18,75 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý được dẫn bằng ống uPVC D400mm đầu nối vào cống chung của Khu công nghiệp Thạnh Lộc, nước thải từ cống chung tự chảy ra kênh Vành Đai. Xả thải theo phương thức tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản cột A, C_{max} với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/L	30		
3	BOD5	mg/L	50		
4	COD	mg/L	500		
5	Nitơ tổng	mg/L	1		
6	Photpho tổng	mg/L	5		
7	Amoni	mg/L	30		
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	10		
9	Clo dư	mg/L	5		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	6		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải tại các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó nước thải được thu gom bằng hệ thống ống dẫn uPVC Ø60, Ø90, Ø114 và được dẫn vào đường ống uPVC Ø300 để vận chuyển đến khu xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Nguồn số 2 và 3: Thiết lập hệ thống thu gom nước thải riêng biệt cho từng khu (nhà xưởng, khu tiếp nhận nguyên liệu sản xuất), thu gom triệt để bằng các hố ga, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống các ống dẫn uPVC Ø300, uPVC Ø114 với độ dốc $i = 0,3\%$.

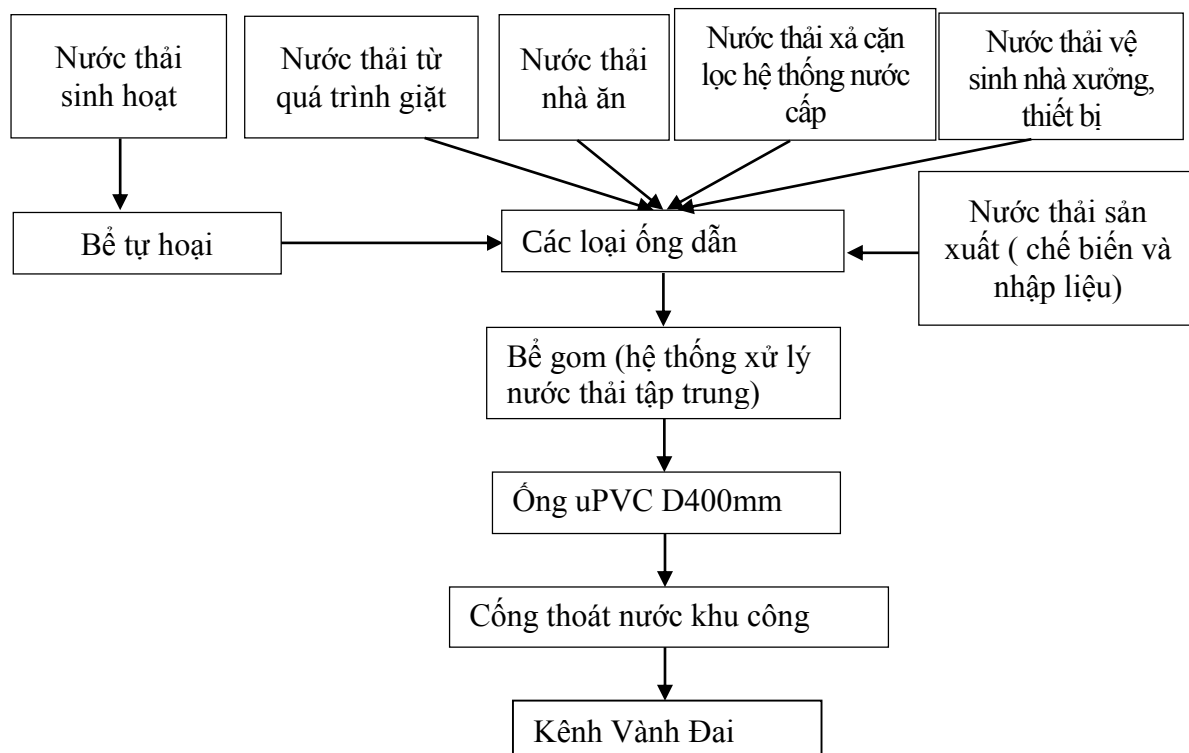
- Nguồn số 4: Nước thải rửa lọc được thu gom tại nguồn và dẫn trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy thông qua ống dẫn chuyên dụng Ø60.

- Nguồn số 5: Bố trí hệ thống thu gom bằng ống dẫn uPVC Ø114 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 6: Nước thải phát sinh từ các hoạt động nấu nướng được thu gom tại nguồn thông qua hệ thống ống dẫn kín. Nước thải từ nhà ăn được dẫn trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

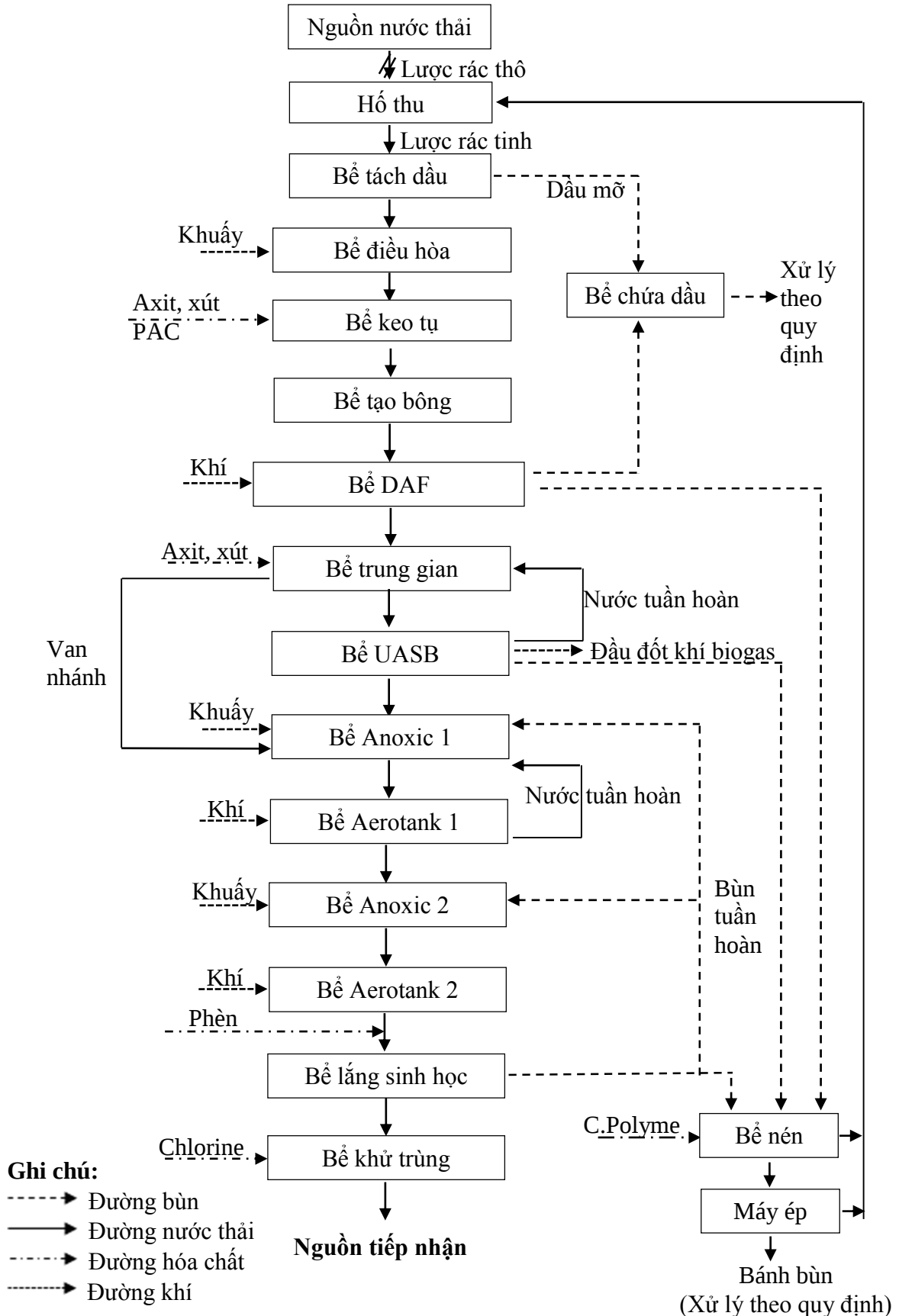
STT	Thông số	Chiều dài	Vật liệu/kích thước
1	Ống dẫn nước sau xử lý	256m	uPVC Ø400, i = 0,5%
2	Ống thu gom nước thải bao quanh nhà máy	205m	uPVC Ø300
3	Ống thu gom nước thải từ nhà giặt về hệ thống xử lý nước thải tập trung	25m	uPVC Ø114
4	Ống thu gom nước thải từ khu nhập liệu về hệ thống xử lý nước thải tập trung	2m	uPVC Ø114
5	Ống thu gom nước thải từ các khu vệ sinh về hệ thống xử lý nước thải tập trung	570m	uPVC Ø114
		60m	uPVC Ø90
		57m	uPVC Ø60
6	Ống thu gom nước thải từ khu nhà ăn về hệ thống xử lý nước thải tập trung	-	uPVC Ø90
7	Ống thu gom nước thải rửa lọc từ hệ thống cấp nước	-	uPVC Ø60
8	Hố ga thu gom nước thải	18 cái	Kích thước 1.200 x 1.200

- Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Công suất thiết kế: 450 m³/ngày đêm.
- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Hóa chất, vật liệu sử dụng

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Chlorine	Kg/tháng	240	Khử trùng nước thải
2	Polytetsu	Kg/tháng	10	Chất trợ keo tụ
3	PAC	Kg/tháng	375	Chất trợ lắng
4	Poly Cation	Kg/tháng	9	Chất trợ lắng
5	Poly Anion	Kg/tháng	6	Chất keo tụ - tạo bông
6	Sorbitol	Kg/tháng	150	Phụ gia

- Chế độ vận hành: Tự động, liên tục.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

STT	Công trình	Thể tích xây dựng (m ³)	Kích thước (m) (DxRxH)	Số lượng
1	Hồ thu	18	2,25 x 2,0 x 4,0	01
2	Bể tách dầu	18	4,0 x 1,5 x 3,0	01
3	Bể chứa dầu	9	2,0 x 1,5 x 3,0	01
4	Bể điều hòa	207,2	7,0 x 5,92 x 5,0	01
5	Bể keo tụ	4,5	1,5 x 1,0 x 3,0	01
6	Bể tạo bông	6,9	2,3 x 1,0 x 3,0	01
7	Bể phân phối	30	4,5 x 1,5 x 5,0	01
8	Bể UASB	176,4	6,3 x 4,0 x 7,0	01
9	Ngăn thu nước UASB	5,8	6,45 x 0,6 x 1,5	01
10	Bể Anoxic 1	101,3	8,42 x 2,5 x 5,0	01
11	Bể Aerotank 1	320	8,0 x 8,0 x 5,0	01
12	Bể Anoxic 2	30,2	3,55 x 1,7 x 5,0	01
13	Bể Aerotank 2	21,3	2,5 x 1,7 x 5,0	01
14	Bể lắng sinh học	162	6,0 x 6,0 x 4,5	01
15	Bể khử trùng	17,6	2,6 x 1,5 x 4,5	01
16	Ngăn bơm bùn sinh học	8,1	1,5 x 1,2 x 4,5	01
17	Bể nén bùn	80	4,0 x 4,0 x 5,0	01

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Có tài liệu hướng dẫn toàn diện về quy trình vận hành hệ thống xử lý

nước thải.

- Giám sát và bảo trì: Việc giám sát và bảo trì hệ thống xử lý nước thải cần được thực hiện một cách nghiêm túc và thường xuyên. Cần tiến hành kiểm tra định kỳ việc vận hành hệ thống để đảm bảo tuân thủ các quy tắc quản lý. Hệ thống đường ống dẫn nước cũng cần được kiểm tra thường xuyên để phát hiện và ngăn ngừa các sự cố có thể xảy ra. Bên cạnh đó, việc bảo trì và bảo dưỡng hệ thống, bao gồm cả việc kiểm tra máy móc, thiết bị đang hoạt động, cần được thực hiện theo lịch trình cụ thể để duy trì hiệu suất tối ưu của hệ thống.

- Nhân sự và thiết bị: Công nhân vận hành phải có trình độ chuyên môn phù hợp và được đào tạo kỹ thuật đầy đủ. Cơ sở cần duy trì một lượng thiết bị và máy móc dự phòng để đối phó với các tình huống bất ngờ. Khi phát hiện máy móc hư hỏng, cần nhanh chóng thay thế hoặc sửa chữa để đảm bảo hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.

- Xử lý sự cố: Trong trường hợp xảy ra sự cố, cần có phương án ứng phó nhanh chóng và hiệu quả. Điều quan trọng là phải ngăn chặn tình trạng nước thải tràn ra môi trường. Đối với các sự cố nghiêm trọng cần thời gian dài để khắc phục, cơ sở có thể giảm công suất hoạt động hoặc tạm ngưng hoạt động chế biến. Trong thời gian này, nguyên liệu nhập về sẽ được lưu trữ và bảo quản cẩn thận. Sau khi sự cố được giải quyết hoàn toàn, cơ sở sẽ khôi phục hoạt động bình thường, đảm bảo quá trình sản xuất và xử lý nước thải diễn ra an toàn và hiệu quả.

- Công trình ứng phó sự cố: Nhà máy đã xây dựng bể chứa dự phòng với thể tích 1.500 m³ để lưu chứa nước thải phát sinh trong thời gian hệ thống xử lý gặp sự cố để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Bể được lót bạt và được bố trí gần hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Trường hợp khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường nơi tiếp nhận, chủ dự án phải thực hiện việc xả thải theo quy định mới ban hành.

2.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án.

2.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

2.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 2.000kVA (không thường xuyên).
- Nguồn số 2: Khu vực phòng máy.
- Nguồn số 3: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	50	-	Khu vực đặc biệt
2	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng các máy móc thiết bị (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt,...).

- Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn.
- Đảm bảo máy vận hành đúng theo công suất thiết kế.
- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc trong khu vực có mức độ cao.
- Đối với máy phát điện, được đặt cách ly riêng biệt với nhà xưởng, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng nhằm giảm độ rung.
- Đối với các dàn máy cấp đông cần đặt đế chân máy bằng cao su.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Mã CTHH	Khối lượng năm 2024 (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	06
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	51
4	Hộp chứa mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	14
5	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 02	0
6	Hỗn hợp dầu mỡ thải và các chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 04	7
7	Các thiết bị, linh kiện điện nguy hại khác với các loại trên	15 01 09	11
Tổng cộng			99

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Khối lượng phát sinh năm 2024 (kg/năm)
1	Nhóm chất thải rắn công nghiệp sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất	164.094

2	Nhãn, bao bì hư hỏng	10.054
3	Nhóm chất thải rắn công nghiệp phải xử lý	1.162

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Lượng chất thải rắn sinh hoạt khi nhà máy hoạt động tối đa công suất với 602 công nhân phát sinh khoảng 481,6 kg/ngày tương đương 0,482 tấn/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được tập kết vào lưu trữ tạm thời tại kho trong các thùng chứa có nắp đậy, dán biển báo nguy hiểm, tách biệt với khu sản xuất, văn phòng làm việc, khu vực tập kết chất thải thông thường.

- Diện tích kho chứa: 19,24m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với phế phẩm sản xuất: Bàn giao cho đơn vị thu gom với mục đích làm nguyên liệu sản xuất bột cá.

- Đối với nhãn, bao bì hư hỏng: Đơn vị ký kết hợp đồng với công ty với mục đích tập kết và chuyển giao cho các đơn vị khác có chức năng để tái chế, tái sử dụng.

- Đối với bùn thải (chất thải rắn công nghiệp phải xử lý): Bùn thải phát sinh trong quá trình xử lý nước thải tại nhà máy sau khi qua máy ép bùn vắt khô nước, bùn khô sẽ được thu gom và lưu chứa tại cơ sở và sẽ được chuyển giao chung cho đơn vị thu gom chất thải nguy hại của cơ sở.

- Diện tích kho chứa phế phẩm: 24m².

- Diện tích kho phế liệu: 24m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sẽ được phân loại tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về quy định việc quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và chứa trong các thùng chứa có nắp đậy kín. Cuối mỗi ngày, chất thải rắn sinh hoạt từ các phân xưởng, nhà ăn, khu vực, văn phòng, nhà vệ sinh,... tập trung về một số nơi cố định. Lượng rác thải sinh hoạt được giao cho đơn vị thu gom với tần suất 01 lần/ngày.

- Số lượng thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt gồm: 06 thùng 60 lít; 01 thùng 120 lít; 09 thùng 240 lít.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.